

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN  
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/4/2024

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hiệp Phong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Mỹ Hương và ông Nguyễn Thanh Liêm.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Ngày 23 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 174/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Thanh T, sinh năm 1981; địa chỉ: số E, tổ A, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trung D, sinh năm 1979; địa chỉ: số F, đường H, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phan Thị Thanh T trình bày: Qua tìm hiểu, bà T và ông D kết hôn năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang ngày 21/3/2005. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 05/12/2006 và Nguyễn Phan Thanh N, sinh ngày 14/02/2009. Các con

chung đang được bà T nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau thời gian chung sống, đến cuối năm 2019, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn chung sống khoảng 05 năm cho đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông D; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1 và Nguyễn Phan Thanh N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi dạy 02 con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 50/MX, quyển số 01/2005, ngày 21/3/2005 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Trung D (bản sao); Giấy khai sinh số 23/MX, quyển số 01/2007, ngày 23/01/2007 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Phan Thanh T1 (bản sao) và Giấy khai sinh số 51/MX, quyển số 01/2009, ngày 23/8/2013 do Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang cấp đối với Nguyễn Phan Thanh N (bản sao).

- Bị đơn ông Nguyễn Trung D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được giữa các đương sự.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung D. Đồng thời, ông D cư trú trên địa bàn thành phố L. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà T, ông D đều vắng mặt. Trong đó, bà T có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; ông D đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông D theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông D tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Bà T xác định, sau thời gian chung sống, đến cuối năm 2019, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống và không còn sống chung khoảng 05 năm cho đến nay.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà T và ông D không còn sống chung với nhau nữa. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho ông D nhưng ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà T, ông D là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 05/12/2006 và Nguyễn Phan Thanh N, sinh ngày 14/02/2009. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung.

Xét thấy, các cháu T1, N đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu này của bà T. Hơn nữa, các cháu T1, N có nguyện vọng được sống chung với bà T trong trường hợp khi bà T và ông D ly hôn. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao các cháu T1, N cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi dưỡng các cháu T1, N nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Trung D.

## 2. Về con chung:

Bà Phan Thị Thanh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Phan Thanh T1, sinh ngày 05/12/2006 và Nguyễn Phan Thanh N, sinh ngày 14/02/2009. Ông Nguyễn Trung D không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phan Thị Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Nguyễn Trung D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

## 3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thanh T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001559 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp ngày 20 tháng 02 năm 2024; bà Phan Thị Thanh T đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Trung D không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Thanh T, ông Nguyễn Trung D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### **Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Long Xuyên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên (1);
- UBND phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hiệp Phong**

